TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày: 03/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 504/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 522/2018/QĐXXST-HS ngày 21/12/2018 đối với bị cáo:

Lê Thanh L, sinh năm 1964, tại Đồng Nai; tên gọi khác: không; Nơi cư trú: 163/132, khu phố 4, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không;Trình độ văn hóa: lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ đoàn thể, Đảng phái: không; Con ông: Lê Công B, sinh năm 1915 (chết) và bà: Võ Thị P, sinh năm 1925 (chết); Bị cáo c ó chồng là Nguyễn Hoàng H , sinh năm 1963, có 02 con sinh năm 1986 và 1989; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con út; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Nhân thân: Ngày 26/9/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 06/8/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" cộng thêm 07 tháng tù cho hưởng án treo năm 2013, tổng hợp hình phạt là 14 tháng tù giam . Bị khởi tố ngày 10/9/2018 và được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* Người bị hại: Chị Trần Thị Hoài T, sinh năm 1991

Trú tại: 61A/80, khu phố 3, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan: Chị Lê Thị Kim X, sinh năm 1960

Trú tại: 29/4b, tổ 3, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 03/7/2018, Lê Thanh L điều khiển xe mô tô hiệu MaxII, biển số 60V9 – 8899 đến tiệm bán quần áo tại số nhà 41, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai của chị Trần Thị Hoài T làm chủ để trộm cắp tài sản. Khi vào trong tiệm, L phát hiện chị T đang ngồi xem điện thoại và chiếc giỏ xách của chị T để gần quầy thu ngân nên L giả vờ chọn quần áo và đi đến gần chiếc giỏ xách, rồi lợi dụng lúc chị T không để ý thì L đã thò tay vào giỏ xách lấy trộm 01 chiếc ví da của chị T giấu vào trong người rồi đi ra ngoài lấy xe mô tô bỏ đi. Sau đó, L điều khiển xe mô tô đi đến khu vực gần Quảng trưởng tỉnh Đồng Nai và mở chiếc ví ra thì phát hiện bên trong có 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng), 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM của chị T nên L lấy số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) bỏ vào túi, còn chiếc ví da cùng giấy tờ thì L bỏ vào 01 bịch ni lon màu đen và ghé vào tiệm tạp hóa của bà Nguyễn Thị Đ tại địa chỉ H3, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giả vờ hỏi mua hàng rồi L gửi lại bịch ni lon trên. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị T đã xem lại camera trong tiệm thì phát hiện L đã lấy trộm chiếc ví da nên chị T đã đăng hình ảnh của L lên mạng xã hội Facebook và đến trình báo Công an phường T. Đến ngày 07/7/2018, khi L đi vào tiệm quần áo "T " ở khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai của chị Đinh Thị Mộng T làm chủ để trộm cắp tài sản thì c hị T (là bạn của chị T) đã nhận ra L qua hình ảnh trên Facebook nên đã báo cho chị T cùng Công an phường T đến đưa L về làm việc và lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng mô tả. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo.

Vật chứng vụ án gồm:

- Số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) L đã tiêu xài hết nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B không T giữ được.

- 01 chiếc ví da, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM của chị T đã được chị Vy Thanh H là con của bà Nguyễn Thị Đ trả lại cho chị T.

- 01 xe mô tô hiệu MaxII, biển số 60V9 – 8899 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Biên Hòa T giữ của Lê Thanh L.

- Số tiền 1.100.00 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng) T giữ của Lê Thanh L, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho L do không L quan đến vụ án.

- 01 USB ghi hình ảnh bị cáo Lê Thanh L trộm cắp tài sản của chị Trần Thị Hoài T lưu tại hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thanh L đã bồi thường cho chị Trần Thị Hoài T số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) và được chị T làm đơn xin bãi nại.

Tại bản cáo trạng số 474/CT-VKSBH ngày 09/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lê Thanh L về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo L mức án từ: 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo đã bồi thường cho người bị hại đủ số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) và người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, đề nghị tuyên tịch T sung vào công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô hiệu MaxII , biển số 60V9 – 8899 là phương tiện của bị cáo Lê Thanh L sử dụng vào việc phạm tội.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh L đã khai nhận: khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 03/7/2018, Lê Thanh L đã có hành vi trộm cắp số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) của chị Trần Thị Hoài T. Đến ngày 07/7/2018, L tiếp tục đi vào tiệm quần áo "T" của chị Đinh Thị Mộng T để trộm cắp tài sản thì chị T nhận ra và đã báo cho chị T cùng Công an phường T đến làm việc và lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cả nh sát Điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 474/CT-VKSBH ngày 09/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành

phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức, có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Bị cáo đã từng bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội . Vì vậy, cần thiết xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình phạt đối với bị cáo, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo L thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi đã thực hiện; bị cáo đã bồi thường cho người bị hại đủ số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) và người bị hại làm đơn bãi nại. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình.

Nhân thân: Ngày 26/9/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 06/8/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" cộng thêm 07 tháng tù cho hưởng án treo năm 2013, tổng hợp hình phạt là 14 tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa của bị cáo cho thấy bị cáo không có T nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo đã bồi thường cho người bị hại đủ số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) và người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô hiệu MaxII, biển số 60V9 – 8899 là phương tiện của bị cáo Lê Thanh L sử dụng vào việc phạm tội nên căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, cần tuyên tịch T sung vào công quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Lê Thanh L** phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh L: 08 (tám) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về xử lý vật chứng : áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch T sung vào công quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô hiệu MaxII, biển số 60V9 – 8899. (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2018)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo đương sự(3);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hoàng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hoàng Phương

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – bị hại – NLQ (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hoàng Phương